

QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRÊN ĐỊA BÀN AN GIANG TRONG THỜI GIAN QUA

Nguyễn Hồ Thanh*

TÓM TẮT

Trong thời gian qua, An Giang đã làm tốt công tác quản lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu góp phần quan trọng đối với quá trình phát triển kinh tế nhanh và bền vững. Bên cạnh đó, An Giang cũng cần phải triển khai đồng bộ các giải pháp quản lý, khai thác hợp lý hơn nữa các nguồn lực để phát triển kinh tế, ổn định xã hội trên địa bàn tỉnh.

Từ khóa: tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu, An Giang

ABSTRACT

In recent years, An Giang has good performance in natural resource management, environmental protection and adaptation to climate change contributes to the process of rapid economic development and sustainability. Besides, An Giang also need to deploy a consistent set of management, more rational exploitation of resources for economic development, social stability in the province.

Keywords: natural resources, environmental protection, climate change, An Giang.

1. Đặt vấn đề

Sử dụng, khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên gắn với bảo vệ môi trường theo hướng bền vững là mục tiêu mà cả thế giới đang hướng tới trong điều kiện phải ứng phó với biến đổi khí hậu. Vấn đề này càng đặc biệt quan trọng đối với quá trình xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển các khu công nghiệp, chuyển đổi cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động,

đảm bảo phát triển kinh tế nhanh và bền vững. An Giang là vùng đất có lợi thế về vị trí địa lý, nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường, là vùng đất ngập nước điển hình của quốc gia với biên độ ngập lũ và hệ thống sông rạch chằng chịt, hệ sinh thái rừng và hệ sinh thái nông nghiệp rất phát triển... Kinh tế - xã hội của tỉnh An Giang ngày càng phát triển và đi cùng với sự phát triển, là những vấn đề đáng quan tâm của môi trường, điều này đã gây áp lực ngày càng lớn đến sự phát triển bền vững của tỉnh.

* Thạc sĩ, Giảng viên Bộ môn Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học An Giang.

2. Một số kết quả quản lý khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

An Giang có tổng diện tích đất tự nhiên là 3.535 km² với trên 99% diện tích đất được đưa vào sử dụng với các mục đích khác nhau. Tài nguyên rừng ở An Giang chiếm 3,91% tuy không phong phú về quy mô nhưng đa dạng về chủng loài sinh vật rừng đồi núi, rừng ngập nước và hệ sinh thái rừng [4 : 6]. Nguồn tài nguyên khoáng sản đa dạng với đá xây dựng các loại, sét gạch ngói, cát sông, cát núi, than bùn... Tài nguyên nước mặt có sông Tiền, sông Hậu với lưu lượng khá lớn đủ sức chuyển tải nguồn nước đến các vùng sâu thông qua mạng lưới kênh rạch chằng chịt. Nước ngầm có trữ lượng dồi dào, hiện đã có trên 7.000 giếng khoan khai thác sử dụng. Môi trường ở An Giang đang chịu nhiều sức ép từ phát triển kinh tế, gia tăng dân số, đô thị hóa, từ hoạt động sản xuất công nghiệp và nông nghiệp.

Đến nay, tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn tỉnh đều đã được quy hoạch quản lý, khai thác đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 theo hướng bền vững. Việc khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên đã đi vào nề nếp và trở thành nguồn lực quan trọng cho phát triển kinh tế, ổn định xã hội trên địa bàn tỉnh.

2.1. Về tài nguyên thiên nhiên

Việc khai thác, sử dụng tài nguyên trong thời gian qua đã đạt được những thành tựu to lớn trong sản xuất nông nghiệp, làm tiền đề thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, giữ vững ổn định chính trị, ổn định đời sống nhân dân.

Tài nguyên đất được khai thác triệt để, toàn bộ diện tích tự nhiên đều đưa vào khai thác

sử dụng, tỉnh trở thành vựa lúa lớn nhất vùng đóng góp gần 1/10 sản lượng lương thực cho quốc gia (năm 1986 đất chưa sử dụng chiếm gần 9% diện tích tự nhiên cộng với 3% diện tích sản xuất bị bỏ hoang, đến nay hầu như không còn đất chưa sử dụng). Gần 94% diện tích đất nông nghiệp, đất ở đã được giao và cấp giấy chứng nhận tạo động lực to lớn giải phóng lực lượng sản xuất và tạo đà phát triển, làm chuyển biến kinh tế nông nghiệp của tỉnh từ thiếu ăn chuyển sang xuất khẩu, ổn định đời sống nông thôn [3 : 110].

Chủ động vốn hóa gần 80% diện tích đất trong các quan hệ kinh tế dân sự và quyền sử dụng đất đã trở thành một nguồn lực tài chính chủ yếu để đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp, kinh doanh (trung bình hàng năm có khoảng 57.000 lượt thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị khoảng 8.600 tỷ đồng). Tỉnh đã cân đối đầy đủ quỹ đất cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển dân cư, xây dựng các khu công nghiệp, dịch vụ, kêu gọi đầu tư, an ninh lương thực và quốc phòng biên giới. Đất đai trở thành nguồn thu quan trọng, mức đóng góp đất đai ngày càng tăng qua các năm, hiện nay đạt xấp xỉ 10% tổng nguồn thu ngân sách.

Ổn định đời sống cho các hộ đồng bào dân tộc Khmer là những hộ nghèo không đất hoặc thiếu đất thông qua Chương trình cấp đất sản xuất (đã cấp 2.424 ha đất sản xuất nông nghiệp cho 4.489 hộ đồng bào dân tộc). Đến nay, đã có 20% số hộ khá lên, đây là nền tảng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào dân tộc vùng núi, biên giới, củng cố khối đại đoàn kết trong nhiều năm qua. Khuyến khích nông hộ tích tụ ruộng đất, từng bước hình thành những vùng sản xuất nông nghiệp

hàng hóa lớn, phát triển kinh tế trang trại, cơ giới hóa nhiều khâu trong sản xuất và ứng dụng công nghệ cao (đến nay có khoảng 1.8% số hộ có diện tích từ 3 ha trở lên).

Thông qua việc thực hiện quan trắc, cảnh báo sạt lở định kỳ 2 lần mỗi năm và nhiều đợt đo đạc, cảnh báo sạt lở đột xuất trên địa bàn toàn tỉnh đã góp phần làm hạn chế các thiệt hại về người và tài sản, phục vụ tích cực cho công tác quy hoạch xây dựng các công trình phát triển kinh tế - xã hội. Tài nguyên nước được quan trắc kiểm soát thường xuyên đảm bảo chất lượng và số lượng phục vụ nhu cầu sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt và các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội. Khoáng sản là vật liệu xây dựng thông thường và cát sông được khai thác đáp ứng các yêu cầu đầu tư, xây dựng trong tỉnh, đảm bảo không ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường và phát triển du lịch.

2.2. Về bảo vệ môi trường

Với quyết tâm cùng cả nước thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường qua từng giai đoạn, tỉnh An Giang đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong công tác bảo vệ môi trường, phát triển bền vững. Nhận thức về bảo vệ môi trường của các ngành, các cấp trong việc tổ chức thực hiện và ý thức bảo vệ môi trường của cộng đồng được nâng lên rõ rệt. Hệ thống chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường đã cụ thể hóa khá đầy đủ. Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường từ tỉnh đến cơ sở từng bước được kiện toàn, có chuyên môn và đi vào hoạt động ổn định, cơ bản kiểm soát được các nguồn phát thải gây ô nhiễm. Việc lồng ghép các mục tiêu bảo vệ môi trường vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội

của tỉnh, các ngành, các cấp và các dự án đầu tư đã thể hiện tính bền vững trong phát triển cả 3 mặt: phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường.

Chất lượng môi trường đảm bảo trong tầm kiểm soát thông qua các số liệu quan trắc ô nhiễm, tốc độ ô nhiễm gia tăng trong 15 năm qua từ 0.2 đến 0.5 lần là rất chậm và nằm trong tiêu chuẩn môi trường cho phép; kiểm chế được phát sinh mới ô nhiễm môi trường [1 : 6]. Khả năng đánh giá dự báo được nâng cao thông qua việc mở rộng mạng lưới trên 200 điểm quan trắc định kỳ, 50 trạm quan trắc liên tục và một trạm quan trắc tự động xuyên biên giới. Quan trắc hiện trạng môi trường nên được thực hiện 4 đợt mỗi năm và quan trắc liên tục 12 đợt mỗi năm là căn cứ để cảnh báo kịp thời sự cố môi trường, chất lượng nguồn mặt nước đến các ngành, chính quyền địa phương trong tỉnh để kịp thời có giải pháp xử lý và ngăn ngừa ô nhiễm.

Môi trường sống người dân được cải thiện rõ rệt, đặc biệt ở nông thôn. Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch theo Quy chuẩn của Bộ Y tế (QCVN 02:2009/BYT ngày 17/06/2009) đạt 82%, trong đó, tỷ lệ hộ dân thành thị sử dụng nước sạch đạt 94.68%, tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt 70.36%; tỷ lệ thu gom chất thải rắn ở các đô thị tăng từ 65% năm 2003 lên 85% năm 2013, ở khu vực nông thôn tương ứng là 20% và 35%, chất thải nguy hại và chất thải y tế được phân loại thu gom hàng ngày đạt 100%. Tỷ lệ thu hồi các chất có khả năng tái chế và tái sử dụng khoảng 20% - 30%, 73.3% số bệnh viện có biện pháp xử lý chất thải hóa học bằng lò đốt; hầu hết các doanh nghiệp có nguồn thải lớn đều có đầu tư hệ thống xử lý, ô nhiễm sông, kênh, rạch ngày càng được cải

thiện; ô nhiễm không khí được kiểm chế; hiện không có điểm, khu dân cư và đoạn sông, kênh rạch gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; tỷ lệ che phủ rừng đạt 21.68% [3 : 112].

Khoa học - công nghệ mới thân thiện với môi trường được áp dụng, 100% số cơ sở sản xuất kinh doanh mới áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị những thiết bị xử lý môi trường đạt tiêu chuẩn; tỉnh đã triển khai 17 mô hình chuyển đổi lò nung gạch thủ công theo công nghệ mới; xây dựng 29 lò thiêu tại các chùa Khmer để giải quyết ô nhiễm môi trường đối với việc hỏa táng người chết...

2.3. Về ứng phó với biến đổi khí hậu

Qua kết quả đánh giá và thực tế diễn biến thời gian qua, biến đổi khí hậu đã có những ảnh hưởng đến đời sống, hoạt động sản xuất của người dân, như chế độ dòng chảy thay đổi mang tính bất thường, khắc nghiệt hơn so với trước đây dẫn đến tình trạng lũ lụt vào mùa mưa, thiếu nước sản xuất và sinh hoạt vào mùa khô, tình trạng xâm nhập mặn lấn sâu vào đất liền, nguy cơ cháy rừng... đã xuất hiện thường xuyên những năm gần đây. Tình hình sạt lở xảy ra thường xuyên và diễn biến phức tạp, tập trung ở các khu dân cư, đô thị, các tuyến giao thông huyết mạch gây thiệt hại lớn về tài sản. Các diễn biến cực đoan của thời tiết thay đổi bất thường như hạn hán, giông lốc ngày càng phức tạp, tác động đến chất lượng sản xuất nông nghiệp, gây nhiều thiệt hại đến tài sản và tính mạng của người dân.

An Giang đã xây dựng “Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường”, “Kế hoạch hành động chi tiết của các ngành, lĩnh vực ứng phó với biến đổi khí hậu trong khuôn khổ

chương trình mục tiêu quốc gia” ở 08 ngành, lĩnh vực then chốt như: tài nguyên nước, tài nguyên đất, nông nghiệp và an ninh lương thực, thủy sản và đa dạng sinh học, tai biến địa chất và phòng chống thiên tai, xây dựng, giao thông vận tải, môi trường [2].

Bên cạnh đó, An Giang cũng đã triển khai nhiều đề án, dự án như: Dự án Xây dựng mô hình hồ chứa nước vùng khô hạn cung cấp nước sinh hoạt cho cư dân miền núi thuộc huyện Tri Tôn; Dự án Quản lý nước thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh An Giang; Dự án thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng tại Đồng bằng sông Cửu Long... Song song đó, các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ trong việc giảm phát thải khí nhà kính và ứng phó với biến đổi khí hậu cũng được đẩy mạnh. Tỉnh đã áp dụng các mô hình sản xuất sạch (CDM); Chương trình nông nghiệp “3 giảm - 3 tăng”, “1 phải - 5 giảm”... Nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học, công nghệ phục vụ cho công tác bảo vệ tài nguyên và môi trường.

Công tác hợp tác quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu cũng được tỉnh quan tâm. Đã hợp tác, thực hiện một số chương trình, dự án gồm: Dự án kiểm soát Bắc Vàm Nao kiểm soát lũ triệt để, bảo vệ vững chắc diện tích nông nghiệp trong vùng dự án, Dự án quản lý nước thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh An Giang AusAID tài trợ, với mục tiêu tăng cường quản lý tài nguyên nước tổng hợp ở vùng đất nông nghiệp và các khu đất ngập nước rừng tràm tỉnh An Giang nhằm nâng cao khả năng chống chịu của các hệ sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học thích ứng với biến đổi khí hậu và góp phần vào việc giảm nghèo;...

3. Nguyên nhân và bài học kinh nghiệm đạt được kết quả quản lý khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

3.1. Nguyên nhân đạt được kết quả quản lý khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

An Giang đạt được kết quả quản lý khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu là do:

Chính sách giao quyền sử dụng đất ổn định, lâu dài cho nhân dân của Đảng và Nhà nước là đúng đắn, phù hợp với thực tiễn khách quan. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã chủ động triển khai nhiều quyết sách rất sớm ngay từ khi bắt đầu đổi mới và đồng bộ từ những năm 1987, 1988 về tổ chức kê khai ruộng đất tập trung để giao đất, cấp giấy chứng nhận và đẩy mạnh việc tổ chức khai thác, sử dụng đất có hiệu quả.

Chủ động, sáng tạo trong việc khai thông các nguồn vốn để đầu tư cho sản xuất nông nghiệp, phát triển cơ sở hạ tầng ở nông thôn, xây dựng hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng phục vụ sản xuất, tháo chua, rửa phèn và ban hành nhiều chính sách để khuyến khích khai hoang, phục hóa. Có quy hoạch, kế hoạch và các giải pháp khai thác, sử dụng tài nguyên hợp lý, tiết kiệm trong từng giai đoạn phát triển kinh tế, xã hội và tiến trình đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức về bảo vệ môi trường, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và các chương trình của các đoàn thể, tổ chức xã hội. Công tác quản lý nhà nước về bảo vệ

môi trường luôn được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh qua tâm thể hiện rõ nét qua việc phân công trong nhiệm vụ cụ thể cho các ngành, các cấp thực hiện các chương trình tại Chỉ thị số 13/2009/CT-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh về tăng cường công tác quản lý và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang.

Hàng năm bố trí kinh phí sự nghiệp khoảng 01% ngân sách tỉnh cho công tác bảo vệ môi trường. Tranh thủ các công nghệ và nguồn vốn hợp pháp của các tổ chức trong và ngoài nước thông qua hợp tác quốc tế. Các cơ chế khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư cho hoạt động bảo vệ môi trường được ban hành kịp thời, công tác tham mưu và điều hành năng động góp phần từng bước đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường. Việc tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong bảo vệ môi trường đã không ngừng được đẩy mạnh, nhất là ở các ngành: nông - lâm nghiệp, công nghiệp khai khoáng, phát triển đô thị và phát triển kinh tế - xã hội. Đối với hoạt động kiểm soát, ngăn ngừa ô nhiễm và quản lý chất thải, hầu hết các ngành, các cấp luôn quan tâm thực hiện thông qua việc lập, thẩm định, thanh kiểm tra các thủ tục hành chính về môi trường ngay trong từng dự án đầu tư lớn, quan trọng, nhạy cảm với môi trường.

3.2. Bài học kinh nghiệm để đạt được kết quả quản lý khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

Chính sách đất đai phải đúng đắn, thông thoáng và đi trước một bước mới mở đường thúc đẩy nông nghiệp, nông thôn phát triển nhanh, toàn diện và phải có tầm vóc chiến lược, mang tính ổn định lâu dài và phù hợp với thể chế kinh tế thị trường trong từng thời

kỳ. Kinh tế nông nghiệp đã đi đến giai đoạn cuối của thời kỳ phát triển kinh tế lượng (diện tích, năng suất, sản lượng), cần có những chính sách mới để phát triển về chất mới đảm bảo phát triển bền vững.

Không giải quyết được vấn đề giá đất theo mô hình kinh tế thị trường thì không thúc đẩy phát triển kinh tế, nguồn lực đất đai không thể phát huy, các vấn đề xã hội khó giải quyết, nhất là khiếu nại, tranh chấp đất đai. Kinh tế phát triển ổn định thì các vấn đề môi trường mới được giải quyết căn cơ theo hướng ổn định và bền vững.

Quản lý nhà nước về môi trường cần phải dựa vào nhân dân ở tính đồng thuận, trách nhiệm, tham gia giám sát và tiêu dùng những sản phẩm sản xuất thân thiện với môi trường. Phải quyết liệt trong việc thể hiện trách nhiệm của cả hệ thống chính trị đối với công tác bảo vệ môi trường mới tạo ra những chuyển biến tích cực.

Ngân sách nhà nước phải tập trung đầu tư các hạ tầng môi trường thiết yếu chung cho cộng đồng để giảm chi phí xử lý cục bộ của từng hộ, từng doanh nghiệp khi chi phí sản xuất giảm. Khi thu nhập bình quân đầu người thấp, thì khó giải quyết các vấn đề về môi trường chung của cộng đồng, đặc biệt ở khu vực nông thôn.

4. Một số nhiệm vụ, giải pháp quản lý khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời gian tới

Trong thời gian tới cần quan tâm thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp quan trọng sau:

Xây dựng và ban hành khung pháp lý về quan hệ đất đai, kinh tế, dân sự trong khuôn khổ luật định cho phép và trên cơ sở thực hiện sẽ tiếp tục đề xuất Chính phủ điều chỉnh bổ sung cho phù hợp để phát triển các mô hình liên kết trong sản xuất giữa nông dân và doanh nghiệp hình thành những cánh đồng lớn (khép kín từ sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ, sản xuất). Đồng thời, có các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong việc xây dựng cơ sở vật chất phục vụ sản xuất, thương hiệu và cạnh tranh.

Tổ chức quy hoạch và xác định lại diện tích đất trồng lúa để áp dụng các chính sách thích hợp cho từng vùng, từng loại hình sản xuất trên quan điểm phát triển bền vững: Vùng chỉ chuyên để trồng lúa nước, vùng khuyến khích và được thay đổi cơ cấu cây trồng cho phù hợp với nhu cầu thị trường, nhưng không được làm thay đổi các điều kiện thổ nhưỡng khi nhà nước có yêu cầu trở lại trồng lúa, vùng trồng lúa tự do cho thương mại, xuất khẩu và cho phép vùng này chuyển mục đích sang các loại đất khác theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông huyết mạch cho tỉnh và hạ tầng cho sản xuất nông nghiệp phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Tổ chức quan trắc lòng sông, quy hoạch khai thác hai bên bờ sông Mê Kông, kè bờ, chỉnh trị dòng chảy tại các khu vực đô thị để chống sạt lở và tăng cường phối hợp, liên kết vùng để xây dựng chiến lược an ninh nguồn nước cho toàn vùng, trong đó đầu tư các hồ chứa nước để ứng phó với suy giảm nguồn nước ở thượng nguồn. Tập trung các nguồn lực công đẩy mạnh công tác lập hồ sơ địa chính và xây

dựng hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai phục vụ công tác quản lý và kiểm soát tài nguyên theo hướng hiện đại.

Đẩy mạnh xã hội hóa để thực hiện các dự án xử lý môi trường chất thải rắn sinh hoạt, nước thải đô thị, chất thải y tế. Hoàn thiện và chi tiết hóa các chế độ, chính sách khuyến khích nhà đầu tư tham gia xử lý môi trường. Tăng cường hợp tác quốc tế để học hỏi kinh nghiệm quản lý và tranh thủ nhiều nguồn tài trợ cho các dự án phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường.

Tăng cường tuyên truyền, vận động để người dân thấy được tầm quan trọng của việc tham gia thực hiện phản biện và giám sát với Nhà nước trong việc triển khai các dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn nhằm đảm bảo việc sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên hữu hạn của tỉnh (đất đai, khoáng sản...) và đối với các doanh nghiệp khi đầu tư các công trình dự án trên địa bàn tỉnh cần tuân thủ nghiêm việc xử lý môi trường.

5. Kết luận

Với lợi thế về vị trí địa lý, sự đa dạng về tài nguyên thiên nhiên, trong những năm qua, An Giang đã sử dụng, khai thác hiệu quả góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Trong thời gian tới, An Giang cần có nhiều chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực bảo vệ tài nguyên, môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn để đẩy mạnh hơn

nữa công tác quản lý, khai thác các nguồn lực quan trọng. Thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra sẽ góp phần hiện thực mục tiêu nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên, môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, qua đó góp phần phát triển bền vững tỉnh nhà.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh An Giang lần thứ X*, nhiệm kỳ 2016 - 2021.
2. Quyết định số: 1685/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ngày 21 tháng 6 năm 2016 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 62-KH/TU ngày 26 tháng 8 năm 2013 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang, giai đoạn 2016 - 2020.
3. Tỉnh ủy An Giang (2015), *An Giang trên đường phát triển (1975 - 2015)*, xuất bản tháng 04/2015.
4. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang (2013), *Địa chí An Giang*, Phòng lưu trữ Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Ngày nhận bài: 18/10/2016

Ngày gửi phản biện: 5/11/2016